

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC

Số: 61/2006/QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý vốn hỗ trợ của Nhà nước cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 15/9/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/08/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân; Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý vốn hỗ trợ của Nhà nước cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và người đại diện vốn hỗ trợ của Nhà nước cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

QUẢN LÝ VỐN HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC CHO HỆ THỐNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) đối với số vốn hỗ trợ của Nhà nước cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng Trung ương).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Vốn hỗ trợ của Nhà nước cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại Quỹ tín dụng Trung ương (sau đây gọi tắt là vốn hỗ trợ của Nhà nước) là vốn hỗ trợ của Chính phủ được tính vào vốn điều lệ của Quỹ tín dụng Trung ương; Số vốn này được giao cho Quỹ tín dụng Trung ương sử dụng nhằm mục đích hỗ trợ cho hoạt động của toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Người đại diện vốn hỗ trợ của Nhà nước (sau đây gọi tắt là người đại diện) là người được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cử làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tại Quỹ tín dụng Trung ương để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng Nhà nước đối với vốn hỗ trợ của Nhà nước nhằm mục tiêu bảo đảm an toàn và sử dụng có hiệu quả vốn của Nhà nước hỗ trợ cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 3. Quản lý và sử dụng lợi tức vốn hỗ trợ của Nhà nước

Việc quản lý và sử dụng lợi tức vốn hỗ trợ của Nhà nước do Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quy định cụ thể đối với từng thời kỳ.

Điều 4. Nguyên tắc cử người đại diện

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cử từ 2 đến 3 người đại diện để tham gia quản trị, điều hành và kiểm soát Quỹ tín dụng Trung ương, trong đó phải có 1 người chịu trách nhiệm chính.

2. Người đại diện khi tham gia quản trị, điều hành và kiểm soát tại Quỹ tín dụng Trung ương phải tuân thủ các quy định về ứng cử, bầu cử; Các quy định về quản trị, điều hành và kiểm soát của Điều lệ Quỹ tín dụng Trung ương, của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn của người đại diện tại Quỹ tín dụng Trung ương do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Quỹ tín dụng Trung ương. Trong trường hợp người đại diện chưa hết nhiệm kỳ nhưng xét thấy cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thể quyết định thay thế người đại diện; Người đại diện được cử thay thế sẽ tiếp tục đảm nhiệm chức danh của người đại diện được thay thế. Người đại diện được cử thay thế có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Quỹ tín dụng Trung ương để trình Đại hội thành viên gần nhất quyết định việc miễn nhiệm người đại diện được thay thế và bầu người đại diện được cử thay thế theo đúng quy định.

Chương 2:

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VỐN HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Nhà nước

1. Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Quỹ tín dụng Trung ương; Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước tại Quỹ tín dụng Trung ương; Yêu cầu người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện; Yêu cầu người đại diện báo cáo việc sử dụng vốn hỗ trợ

của Nhà nước vào việc thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ tín dụng Trung ương theo định hướng chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trình Chính phủ quyết định việc tăng vốn hoặc thu hồi vốn hỗ trợ của Nhà nước tại Quỹ tín dụng Trung ương theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ báo cáo tài chính của Quỹ tín dụng Trung ương và các báo cáo của người đại diện, xây dựng báo cáo phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Quỹ tín dụng Trung ương gửi Bộ Tài chính theo định kỳ 6 tháng và hàng năm.

4. Chỉ đạo người đại diện có biện pháp kịp thời để bảo vệ số vốn hỗ trợ của Nhà nước trong trường hợp Quỹ tín dụng Trung ương bị thua lỗ, mất vốn, phải xem xét giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản.

5. Báo cáo Chính phủ việc thu hồi vốn hỗ trợ của Nhà nước trong trường hợp Quỹ tín dụng Trung ương bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.

6. Cử, bãi miễn, xếp lương, nâng lương và kỷ luật người đại diện.

7. Khen thưởng người đại diện.

8. Thanh tra, giám sát Quỹ tín dụng Trung ương về quá trình quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ của Nhà nước; Thông qua công tác thanh tra để phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật đối với những sai phạm trong quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ của Nhà nước; Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém và hành vi vi phạm pháp luật của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.

9. Trình Chính phủ quyết định việc quản lý và sử dụng lợi tức vốn hỗ trợ của Nhà nước.

10. Tổ chức hạch toán theo dõi, giám sát số vốn hỗ trợ của Nhà nước; Tiếp nhận và quản lý lợi tức vốn hỗ trợ của Nhà nước (nếu có).

11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước